BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3082 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục và mức trần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 do Bộ Công Thương đặt hàng thực hiện từ năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục và mức trần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 do Bộ Công Thương đặt hàng bắt đầu thực hiện từ năm 2026 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số và Thủ trưởng đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về hồ sơ, trình tự, thủ tục các bước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN (anhvh).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: VĂN PHÒNG
Email: vpbct@moit.gov.vn
Cơ quan: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 19-11-2026 14:46:20 +07:00

Nguyễn Việt Sơn

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 DO BỘ CÔNG THƯƠNG ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 3082 */QĐ-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến thông tin, kiến thức về hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, cải tiến năng suất, chất lượng trên các ấn phẩm của Báo Công Thương	Phổ biến thông tin, lan tỏa các kết quả, hiệu quả triển khai Chương trình và các hoạt động cải tiến năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa trong các doanh nghiệp ngành Công Thương.	1. Sản xuất và đăng tải các tin, bài, ảnh, clip, tọa đàm, podcast, short video về hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, cải tiến năng suất, chất lượng của các đơn vị của ngành Công Thương. 2. Số lượng: 40 tin, bài phản ánh, eMagazine, Longform và 90 ảnh; 03 clip; 02 tọa đàm; 30 podcast; 20 short video.	1.435	Giao trực tiếp Báo Công Thương	12 tháng
2	Tuyên truyền, phổ biến thông tin, kiến thức về hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, cải tiến năng suất, chất lượng trên các ấn phẩm của Tạp chí Công Thương	Phổ biến thông tin, lan tỏa các kết quả, hiệu quả triển khai Chương trình và các hoạt động cải tiến năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa trong các doanh nghiệp ngành Công Thương.	1. Xuất bản 30 bài viết phản ánh, phân tích, tuyên truyền về hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng trong ngành Công Thương. + Doanh nghiệp và câu chuyện cải tiến năng suất + Xuất bản trên Tạp chí Công Thương điện tử, tối ưu hiển thị trên nền tảng số, đáp ứng yêu cầu về mỹ thuật, trải nghiệm người đọc và khả năng lan tỏa trên môi trường Internet. 2. Xuất bản 30 bài eMagazine chuyên sâu, đa phương tiện, phản ánh về hành trình chuyển	1.360	Giao trực tiếp Tạp chí Công Thương	12 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			đổi năng suất của ngành Công Thương. + Mỗi bài có dung lượng tối thiểu 1.000 từ, tích hợp tối thiểu 01 infographic hoặc đồ họa thông tin, hoặc 01 video hoặc multimedia. + Xuất bản trên Tạp chí Công Thương điện tử, tối ưu hiển thị trên nền tảng số, đáp ứng yêu cầu về mỹ thuật, trải nghiệm người đọc và khả năng lan tỏa trên môi trường Internet. 3. Tổ chức 04 tọa đàm trường quay: + Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nâng cao năng suất, chất lượng; giới thiệu kết quả triển khai Chương trình và các hoạt động cải tiến năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa trong doanh nghiệp ngành Công Thương, các công cụ quản lý và cải tiến năng suất, chất lượng; giới thiệu các mô hình, kinh nghiệm thực tiễn, cách làm hiệu quả của doanh nghiệp; phân tích những khó khăn, thách thức, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững… + Mỗi tọa đàm khoảng 03 khách mời thuộc các nhóm đối tượng: Đại diện cơ quan quản lý Nhà nước; đại diện doanh nghiệp, viện, trường; chuyên gia độc lập, các tổ chức hiệp			

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			hội... + Ghi hình tại trường quay + Phát trực tuyến trên Tạp chí Công Thương điện tử; Các kênh Youtube; Fanpage của Tạp chí Công Thương. + Thời lượng: Tối thiểu 45 phút bao gồm 01 phóng sự đề dẫn khoảng 02 phút.			
3	Tổ chức Cuộc thi "Nhóm cải tiến năng suất, chất lượng doanh nghiệp ngành Công Thương" năm 2027	Phát động và thúc đẩy phong trào cải tiến năng suất, chất lượng; lựa chọn, tôn vinh và nhân rộng các sáng kiến, mô hình, doanh nghiệp điển hình có kết quả tiêu biểu và tính lan tỏa cao trong ngành.	1. 01 chương trình Cuộc thi năm 2027 về "Nhóm cải tiến năng suất, chất lượng doanh nghiệp ngành Công Thương" - Xây dựng Quy chế (Bộ Tiêu chí, Quy trình đánh giá); quy định phương pháp đo trước - sau, xác nhận giá trị làm lợi, hướng dẫn công nhận sáng kiến; bảo đảm tính độc lập của Ban Giám khảo. - Tổ chức chương trình phát động và vòng sơ kết trực tuyến phổ biến tới cộng đồng doanh nghiệp - Tiếp nhận ≥30 hồ sơ từ ≥20 doanh nghiệp, trong đó ≥30% hồ sơ từ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thuộc ≥03 vùng. - Lựa chọn 10-15 hồ sơ Mô hình/Doanh nghiệp/Nhóm cải tiến điển hình đạt kết quả, hiệu quả thực chất vào vòng chung kết. - Tập huấn, hoàn thiện giải pháp cải tiến để thi	1.885	Tuyển chọn	12 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			chung kết. + Chọn 3-5 nhóm cải tiến đạt đúng yêu cầu Cuộc thi 2. Tổ chức Chung kết và trao giải cuộc thi "Nhóm cải tiến năng suất, chất lượng doanh nghiệp ngành Công Thương" năm 2027 tại Hà Nội. + Xây dựng 3-5 video clip truyền thông giới thiệu về các nhóm lọt vào vòng chung kết về hiệu quả ứng dụng hoạt động năng suất chất lượng; xây dựng 01 trailer quảng bá cho các hoạt động. + Các nhóm cải tiến bảo vệ giải pháp trước Hội đồng Giám khảo; đánh giá, xếp hạng và trao giải theo cơ cấu giải thưởng của Cuộc thi. 3. Các hoạt động truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm và tôn vinh. Truyền thông trên các báo đài truyền hình trung ương và địa phương tuyên truyền quảng bá Chương trình. Xây dựng 01 trang Fanpage của các sự kiện đồng thời cập nhật tuyên truyền thông qua các điển hình, đăng tải trực tuyến các nội dung và tiến độ của các sự kiện. 4. Hoạt động phát triển điển hình mẫu từ các dự án tốt nhất (best practice): 05 case study về nhóm cải tiến tiêu biểu.			

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
4	Đào tạo giảng viên, chuyên gia tư vấn và cán bộ thực hành cải tiến năng suất cho doanh nghiệp ngành Công Thương (ưu tiên ngành cơ khí, nhựa, da giày)	1. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia tư vấn, cán bộ thực hành cải tiến năng suất đủ năng lực dẫn dắt, thực hiện dự án; tạo nguồn lực duy trì và nhân rộng hoạt động cải tiến năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp. 2. Xây dựng khung năng lực, chuẩn đầu ra và tiêu chí chứng nhận cho 03 nhóm đối tượng; thống nhất với các khung năng lực khác của Chương trình năm 2027, tham chiếu chuẩn APO; làm rõ giá trị pháp lý của chứng nhận và cơ quan công nhận. 3. Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo giảng viên, chuyên gia tư vấn, cán bộ thực hành cải tiến năng suất chuyên sâu tại các doanh nghiệp thuộc: ngành cơ khí, ngành nhựa và	1. Bộ chương trình, tài liệu đào tạo và khung năng lực/chuẩn đầu ra. 2. 50 học viên hoàn thành đào tạo (trong đó ≥35 học viên đạt chuẩn và được chứng nhận năng lực giảng viên/chuyên gia tư vấn/cán bộ thực hành cải tiến năng suất nội bộ tại doanh nghiệp). 3. 10 dự án thực hành tại doanh nghiệp (có đầy đủ hồ sơ, nhật ký và kết quả cải tiến năng suất; mức cải thiện ≥10%). 4. Danh sách, Cơ sở dữ liệu chuyên gia/cán bộ thực hành cải tiến năng suất trong doanh nghiệp được xây dựng, cập nhật và kết nối vào cộng đồng doanh nghiệp thực hành cải tiến năng suất. 5. Báo cáo lũy kế số giảng viên, chuyên gia được chứng nhận và phần đóng góp vào chỉ tiêu 200 giảng viên, chuyên gia của Chương trình; phân kỳ kinh phí, tiến độ theo từng giai đoạn.	2.700	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		ngành da giày. 4. Tổ chức đào tạo (lý thuyết kết hợp kèm cặp huấn luyện trực tiếp thông qua thực hành tại doanh nghiệp). 5. Đánh giá mức độ đạt chuẩn năng lực của học viên và cấp chứng nhận.				
5	Tổ chức Cuộc thi thiết kế, chế tạo khuôn mẫu năm 2027 gắn với đào tạo thực hành cho sinh viên, giảng viên các cơ sở đào tạo kỹ thuật và kỹ sư trẻ doanh nghiệp	1. Phát động phong trào thi đua về cải tiến kỹ thuật, thiết kế và phát triển sản phẩm trong lĩnh vực khuôn mẫu 2. Nâng cao năng lực thiết kế, mô phỏng, gia công, chế tạo, kiểm soát chất lượng và giải quyết vấn đề thực tiễn cho sinh viên, giảng viên và nhân lực kỹ thuật trẻ. 3. Gắn đào tạo với yêu cầu sản xuất; tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp - cơ sở đào tạo - hiệp hội để phát triển nguồn nhân lực	1. 01 bộ Quy chế cuộc thi, bộ tiêu chí và quy trình đánh giá các vòng thi; 01 bộ đề bài/yêu cầu kỹ thuật gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, có thông số kỹ thuật định lượng; quy định yêu cầu, phương thức chấm vòng thực hành và quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế, sản phẩm dự thi. 2. 01 Cuộc thi Khuôn mẫu Việt Nam 2027 được phát động trên phạm vi toàn quốc; thu hút tối thiểu 30 đội từ ít nhất 15 cơ sở đào tạo kỹ thuật. 3. Tối thiểu 12 đội được lựa chọn vào vòng thực hành; 12 bộ hồ sơ thiết kế, mô phỏng và sản phẩm/mẫu khuôn thực tế được hoàn thiện, đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn. 4. Tối thiểu 02 chương trình đào tạo/hội thảo chuyên đề về thiết kế, mô phỏng, gia công,	1.885	Tuyển chọn	12 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		chất lượng cao cho các ngành công nghiệp chế tạo 4. Lựa chọn, tôn vinh và truyền thông các ý tưởng, thiết kế và sản phẩm khuôn mẫu có tính sáng tạo, khả thi và khả năng ứng dụng trong doanh nghiệp. 5. Tối đa xã hội hóa tổ chức sự kiện, giải thưởng, vật tư; không trùng lặp với cuộc thi của các hiệp hội; ưu tiên trường thuộc Bộ có xưởng khuôn mẫu.	chế tạo và kiểm soát chất lượng khuôn; có chuyên gia và doanh nghiệp tham gia cố vấn. 5. 01 vòng chung kết và lễ trao giải; tối thiểu 05 doanh nghiệp tham gia đề bài, cố vấn, đánh giá, hỗ trợ thực hành/thực tập hoặc kết nối tuyển dụng. 6. 01 báo cáo tổng kết, bộ hồ sơ kết quả các đội thi và tối thiểu 10 tin/bài/video truyền thông, chia sẻ mô hình và kinh nghiệm để lan tỏa, nhân rộng. 7. 01 bộ học liệu đề bài - lời giải; ≥20 sinh viên được doanh nghiệp tiếp nhận thực tập/tuyển dụng; ≥05 trường đưa đề bài vào học phần.			
6	Nghiên cứu, xây dựng khung năng lực, cơ chế đánh giá tại doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và triển khai thí điểm chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị sản xuất, quản lý hiện trường cho các trường của Bộ Công Thương	1. Nghiên cứu, chuẩn hóa tiêu chí và khung năng lực cho các vị trí nhân sự điển hình trong doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; thiết lập cơ chế, quy trình đánh giá, xác nhận và phát triển năng lực nhân sự. 2. Xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu cho các trường của Bộ Công Thương theo chuẩn năng	1. 01 báo cáo khảo sát nhu cầu, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực nhân sự của tối thiểu 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. 2. 01 bộ tài liệu chuẩn hóa gồm: tiêu chí và khung năng lực cho các vị trí điển hình; cơ chế/quy trình đánh giá, xác nhận năng lực; khung nội dung học liệu dùng chung theo nhóm năng lực và vị trí việc làm. 3. 01 bộ khung năng lực, chuẩn đầu ra và công cụ đánh giá chuyên sâu đối với vị trí Team Leader/Quản lý tổ sản xuất. 4. 01 bộ chương trình và học liệu đào tạo	2.850	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		lực vị trí việc làm, trước mắt tập trung phát triển lực lượng quản lý hiện trường tuyến đầu có khả năng điều hành tổ/nhóm sản xuất, bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ và hiệu quả. 3. Thiết lập mô hình đồng đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, kết hợp kiến thức nền với thực hành; dự kiến khoảng 30% học tập tại trường và 70% thực hành tại doanh nghiệp.	chuyên sâu gồm 07 cấu phần: (i) sản phẩm - quy trình - công nghệ - thiết bị; (ii) kiểm soát chất lượng; (iii) tiếp vận sản xuất; (iv) quản lý tổ sản xuất; (v) quản lý hiện trường nâng cao; (vi) hệ thống vận hành doanh nghiệp sản xuất; (vii) ngoại ngữ trong sản xuất. 5. 01 quy trình đồng đào tạo nhà trường - doanh nghiệp, trong đó xác định rõ nội dung đào tạo tại trường, tại Learning Factory và tại doanh nghiệp; cơ chế mentor, đánh giá năng lực và công nhận kết quả thực hành; thực hành trên Learning Factory, đánh giá tình huống tại hiện trường. 6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 20 giảng viên và mentor doanh nghiệp đủ năng lực triển khai chương trình. 7. Tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được thí điểm đánh giá năng lực nhân sự; có báo cáo khoảng cách năng lực và kế hoạch đào tạo, phát triển nhân sự cho từng doanh nghiệp. 8. Triển khai thí điểm 01-02 khóa cho tối thiểu 40-60 học viên; ít nhất 80% hoàn thành chương trình và ít nhất 70% đạt chuẩn năng lực đầu ra. 9. 01 báo cáo đánh giá kết quả thí điểm, bộ hồ			

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			sơ học viên, bài học kinh nghiệm và phương án duy trì, cập nhật, nhân rộng.			
7	Nghiên cứu xây dựng Bản đồ công nghệ và Lộ trình đổi mới công nghệ lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đến năm 2035	1. Tổng hợp và đánh giá khái quát hiện trạng công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. 2. Xác định các nhóm công nghệ chủ yếu và một số công nghệ ưu tiên có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng và khả năng đáp ứng yêu cầu khách hàng. 3. Xây dựng Bản đồ công nghệ ở cấp nhóm công nghệ, làm cơ sở nhận diện công nghệ đang sử dụng, mức độ đáp ứng và nhu cầu đổi mới. 4. Xây dựng Lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 với các nhiệm vụ và thứ tự ưu tiên phù hợp khả năng triển khai của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.	1. 01 bộ phiếu khảo sát và tiêu chí đánh giá về hiện trạng, mức độ đáp ứng và nhu cầu đổi mới công nghệ. 2. 01 báo cáo, dữ liệu tổng hợp hiện trạng công nghệ trên cơ sở rà soát tài liệu, tham vấn chuyên gia và khảo sát tối thiểu 120 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. 3. 01 Bản đồ công nghệ dạng ma trận theo 06 nhóm công nghệ, định lượng trình độ công nghệ, mức sẵn sàng công nghệ (TRL) và yêu cầu của khách hàng FDI. 4. 01 danh mục công nghệ ưu tiên cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đổi mới hoặc tiếp nhận chuyển giao, kèm mức TRL và mô tả ngắn về nhu cầu và khả năng áp dụng. 5. 01 Lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035, xác định nhóm công nghệ ưu tiên, nhiệm vụ chính và đề xuất hình thức hỗ trợ. 6. 01 báo cáo tổng hợp, 01 hội thảo tham vấn và 01 hội thảo phổ biến kết quả.	2.540	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
8	Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ tự đánh giá mức độ tối ưu hóa sản xuất, chuỗi cung ứng và hướng dẫn lập kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp công nghiệp	1. Xây dựng phương pháp phù hợp để doanh nghiệp tự đánh giá mức độ tối ưu hóa hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng, xác định các vấn đề ưu tiên về năng suất và chất lượng. 2. Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất, chất lượng phù hợp với hiện trạng và nguồn lực. 3. Định nghĩa, chuẩn hóa tiêu chí phân loại mức độ tối ưu hóa (tham chiếu SCOR, SIRI, Lean); kế thừa, phân định với nhiệm vụ đánh giá mức độ trưởng thành năm 2026; là công cụ đánh giá đầu vào thống nhất cho các nhiệm vụ mô hình điểm của Chương trình.	1. 01 Cẩm nang đánh giá mức độ tối ưu hóa sản xuất, chuỗi cung ứng và xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất, chất lượng; kèm bộ tiêu chí, phiếu đánh giá và biểu mẫu kế hoạch; công cụ tự đánh giá dạng ứng dụng web, thử nghiệm khả dụng với ≥30 doanh nghiệp. 2. Mô hình điểm: - 03 doanh nghiệp trong ngành công nghiệp; - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. - Hồ sơ triển khai tại doanh nghiệp điểm: (i) Báo cáo đánh giá hiện trạng, vấn đề ưu tiên; (ii) Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất, chất lượng được doanh nghiệp phê duyệt. 3. Tối thiểu 03 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ chia sẻ kinh nghiệm triển khai và bài học đúc kết. 4. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả triển khai các mô hình điểm. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.	1.790	Tuyển chọn	15 tháng
9	Xây dựng cẩm nang	1. Doanh nghiệp điểm về	1. Cẩm nang hướng dẫn thực hành TPM và	4.700	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	và triển khai mô hình điểm Bảo trì năng suất toàn diện (TPM) kết hợp số hóa quản trị thiết bị nâng cao hiệu suất thiết bị tổng thể (OEE) tại doanh nghiệp cơ khí, nhựa, da giày	ứng dụng TPM kết hợp ứng dụng số hóa quản trị máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu suất thiết bị (OEE) và năng suất làm cơ sở để hoàn thiện và nhân rộng. 2. Chuẩn hóa cẩm nang hướng dẫn thực hành TPM và kết hợp ứng dụng số hóa trong hoạt động quản trị máy móc thiết bị tại doanh nghiệp ngành cơ khí, nhựa và da giày. 3. Nâng cao hiệu suất thiết bị tổng thể (OEE), nâng cao năng suất tại doanh nghiệp.	kết hợp ứng dụng số hóa trong hoạt động quản trị máy móc thiết bị tại doanh nghiệp ngành cơ khí, nhựa và da giày. 2. Mô hình điểm: - 10 doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí, nhựa và da giày áp dụng công cụ Bảo trì năng suất toàn diện (TPM) kết hợp 2-3 ứng dụng số hóa trong quản trị máy móc thiết bị, chỉ số OEE (định nghĩa theo JIPM) tăng ≥5 điểm phần trăm sau cải tiến; hậu kiểm sau 06 tháng duy trì ≥70% mức cải thiện. - 10 bộ hồ sơ kết quả ứng dụng TPM kết hợp 2-3 ứng dụng số hóa trong quản trị máy móc thiết bị tại 10 doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí, nhựa và da giày. - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. Tối thiểu 10 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ chia sẻ kinh nghiệm triển khai và bài học đúc kết. 4. 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến kết quả; báo cáo tổng hợp kết quả hỗ trợ. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
10	Triển khai mô hình điểm đổi mới thiết kế, phát triển sản phẩm ứng dụng QFD, DfX, kỹ thuật giá trị gắn với hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo (ISO 56001) tại doanh nghiệp công nghiệp	1. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết kế và phát triển sản phẩm bám sát nhu cầu thị trường; qua đó nâng cao giá trị, khả năng chế tạo/lắp ráp, kiểm soát chất lượng và thương mại hóa. 2. Chuyển nhu cầu thị trường thành yêu cầu kỹ thuật bằng công cụ QFD. 3. Áp dụng DfX và kỹ thuật giá trị để tối ưu hóa chức năng, chi phí, cấu trúc vật liệu và vòng đời sản phẩm. 4. Hỗ trợ xây dựng nguyên mẫu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và bảo hộ sở hữu trí tuệ. 5. Tích hợp các hoạt động trên với quy trình quản trị đổi mới sáng tạo theo tiêu chuẩn ISO 56001.	1. Tài liệu hướng dẫn triển khai Mô hình đổi mới thiết kế và phát triển sản phẩm ứng dụng QFD, DfX, kỹ thuật giá trị gắn với quản trị đổi mới sáng tạo theo ISO 56001. 2. Mô hình điểm: - 05 mô hình đổi mới thiết kế/phát triển sản phẩm được triển khai. - ≥03 hồ sơ thiết kế, nguyên mẫu/sản phẩm cải tiến có minh chứng kết quả. - ≥03 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp nộp hợp lệ, trong đó ≥01 đơn sáng chế/giải pháp hữu ích; 02 doanh nghiệp áp dụng ISO 56001. - Bộ hồ sơ công cụ (QFD, DfX, kỹ thuật giá trị) và các kế hoạch thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa, thương mại hóa, sở hữu trí tuệ. - Sản phẩm thiết kế giảm số chi tiết, chi phí hoặc thời gian phát triển; nâng cao khả năng chế tạo/chứng nhận theo chỉ tiêu định lượng cụ thể của từng mô hình. - Báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả của các mô hình điểm và khuyến nghị duy trì, nhân rộng. - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. Tối thiểu 05 bài viết đăng tạp chí chuyên	3.350	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 4. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến kết quả; báo cáo tổng hợp kết quả hỗ trợ. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
11	Xây dựng hướng dẫn và triển khai mô hình điểm năng suất xanh theo ngành tích hợp quản lý năng lượng, phát thải carbon, kinh tế tuần hoàn và dữ liệu ESG tại doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	1. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển các yêu cầu xanh của thị trường, khách hàng và chuỗi cung ứng thành chỉ số vận hành cụ thể; nâng cao năng lực quản lý năng lượng, vật liệu, phát thải và cung cấp dữ liệu xanh đáng tin cậy. 2. Thiết lập dữ liệu cơ sở về năng lượng, vật liệu, phát thải khí nhà kính và dòng nguyên vật liệu. 3. Áp dụng công cụ phù hợp như ISO 50001, ISO 14064/14067, MFCA, ISO 59004/59020, IWA 48. 4. Xây dựng dữ liệu sản phẩm/chuỗi phục vụ các	1. Tài liệu hướng dẫn triển khai Mô hình năng suất xanh theo ngành gắn với quản lý năng lượng, carbon, kinh tế tuần hoàn và dữ liệu ESG. 2. Mô hình điểm: - 05 mô hình năng suất xanh trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. - Bộ dữ liệu cơ sở về năng lượng, vật liệu, phát thải khí nhà kính và dòng nguyên vật liệu. - 03 bộ dữ liệu sản phẩm/chuỗi sản phẩm (PCF) được kiểm tra nội bộ (không thay thế chứng nhận), phục vụ yêu cầu thị trường hoặc khách hàng. - Kế hoạch cải thiện về năng lượng, phát thải, sử dụng tài nguyên và dữ liệu ESG cho từng doanh nghiệp. - Giải pháp cải thiện đạt mức tiết kiệm năng	2.930	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		yêu cầu như PCF, CBAM, DPP, EUDR trong phạm vi phù hợp. 5. Đề xuất kế hoạch cải thiện về năng lượng, phát thải, tài nguyên và kinh tế tuần hoàn. 6. Xây dựng hướng dẫn/sổ tay cho 02 ngành ưu tiên chịu tác động của CBAM và yêu cầu dữ liệu xanh.	lượng/giảm phát thải ≥3% (phấn đấu 5%) tại doanh nghiệp điểm; xác định phạm vi dữ liệu ESG và đơn vị tiếp nhận, cập nhật dữ liệu sau nghiệm thu. - Báo cáo kết quả triển khai, khuyến nghị duy trì trong doanh nghiệp. - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. Tối thiểu 05 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 4. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả triển khai mô hình. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
12	Xây dựng cẩm nang và thí điểm giải pháp tự động hóa đầu tư thấp (LCIA) cho doanh nghiệp gia công kim loại	1. Nghiên cứu xây dựng cẩm nang hướng dẫn doanh nghiệp lĩnh vực gia công kim loại nhận diện và lựa chọn các giải pháp tự động hóa đầu tư thấp cho đổi mới công nghệ. 2. Hỗ trợ 03 doanh nghiệp triển khai thí điểm và đánh	1. 01 Cẩm nang hướng dẫn lựa chọn và triển khai mô hình tự động hóa đầu tư thấp trong lĩnh vực gia công kim loại, gồm tối thiểu 10 giải pháp mẫu và hồ sơ giải pháp chuẩn (BOM, đánh giá rủi ro theo ISO 12100). 2. Mô hình điểm: - 03 mô hình điểm cho doanh nghiệp lĩnh vực gia công kim loại; - 03 báo cáo triển khai (01 báo cáo/mô hình):	1.890	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		giá kết quả.	hiện trạng, phương án tự động hóa, kết quả vận hành và đánh giá trước - sau. - Chỉ tiêu áp dụng đồng thời cho mỗi mô hình: năng suất tăng ≥10% và thời gian hoàn vốn ≤18 tháng; giảm tỷ lệ lỗi. - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. Tối thiểu 03 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 4. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả triển khai các mô hình. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
13	Xây dựng cẩm nang và thí điểm mô hình chuyển đổi doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ từ sản xuất linh kiện sang sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh theo phương thức OEM	1. Nghiên cứu xây dựng cẩm nang hướng dẫn giúp doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tổ chức sản xuất sản phẩm theo phương thức OEM. 2. Áp dụng thí điểm tại ≥02 doanh nghiệp được lựa chọn công khai theo tiêu chí (doanh nghiệp, sản phẩm, bằng chứng khách	1. 01 Cẩm nang hướng dẫn mô hình sản xuất OEM. 2. Doanh nghiệp điểm: - ≥02 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; xác định rõ sản phẩm thí điểm, quy mô sản xuất thử. - Hồ sơ triển khai tại doanh nghiệp: đánh giá hiện trạng, lựa chọn sản phẩm, kế hoạch triển khai và các tài liệu kỹ thuật, quản lý. - Hồ sơ kỹ thuật theo APQP, PPAP, FMEA;	2.130	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		hàng), hoàn thiện hướng dẫn và rút kinh nghiệm thực tế.	lô sản xuất thử đạt yêu cầu kỹ thuật của khách hàng (phân biệt với được khách hàng đặt hàng). - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. 01 báo cáo kết quả thí điểm, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị áp dụng cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. 4. Tối thiểu 01 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 5. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả triển khai các mô hình. 6. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
14	Xây dựng và thí điểm hệ thống cải tiến liên tục dựa trên Kaizen và lực lượng cải tiến nội bộ tại doanh nghiệp ngành Công Thương	1. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua việc áp dụng đồng bộ các công cụ Kaizen hằng ngày, hệ thống đề xuất sáng kiến, Nhóm cải tiến và nền tảng số hỗ trợ quản lý cải tiến;	1. Cẩm nang phương pháp luận triển khai cải tiến liên tục trong doanh nghiệp, tích hợp Kaizen hằng ngày, hệ thống đề xuất sáng kiến, QCC và ứng dụng số hóa quản lý hoạt động cải tiến tại doanh nghiệp. 2. Bộ tài liệu hướng dẫn triển khai, bộ tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành văn hóa cải tiến liên tục và bộ chỉ số theo dõi hoạt động cải tiến tại doanh nghiệp.	3.910	Tuyển chọn	24 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		2. Chuẩn hóa bộ công cụ cải tiến lõi chi phí thấp (5S/quản lý trực quan, Kaizen hằng ngày, A3, QCC); hệ thống đề xuất - sáng kiến gắn giá trị làm lợi là cơ sở để đào tạo nội bộ doanh nghiệp và lan tỏa. 3. Hình thành và phát triển đội ngũ điều phối viên/huấn luyện viên Kaizen nội bộ doanh nghiệp (train-the-trainer); hình thành năng lực cải tiến nội bộ giúp duy trì và lan tỏa văn hóa cải tiến liên tục, bền vững trong doanh nghiệp.	3. Chương trình đào tạo Điều phối viên cải tiến nội bộ (Internal Kaizen Coordinator); đào tạo đội ngũ nòng cốt tại doanh nghiệp để tự duy trì hệ thống sau dự án; tối thiểu 15 điều phối viên đạt chuẩn. 4. Triển khai các mô hình điểm: - 15 mô hình điểm doanh nghiệp; - Hình thành hệ thống cải tiến liên tục, đội ngũ điều phối viên nội bộ, gia tăng số lượng sáng kiến cải tiến, tỷ lệ tham gia của người lao động và tỷ lệ thực thi sáng kiến; mỗi doanh nghiệp điểm có ít nhất 01 nhóm QCC hoạt động thường xuyên; chỉ tiêu ≥0,5 sáng kiến/người lao động/năm; - Ứng dụng số hóa quản lý hoạt động cải tiến; - Sổ tay hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp; - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 5. Tối thiểu 15 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 6. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
15	Xây dựng khung giám sát, đánh giá	Hình thành khung phương pháp, bộ chỉ số, quy trình	1. Khung giám sát, đánh giá Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng ngành Công	2.410	Tuyển chọn	12 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	và nền tảng dữ liệu theo dõi Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng ngành công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030	và nền tảng dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả và tác động của các nhiệm vụ thuộc Chương trình NSCL ngành Công Thương giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm việc triển khai Chương trình có trọng tâm, đo lường được kết quả, đánh giá được hiệu quả, phục vụ điều hành, tổng hợp báo cáo và đề xuất nhiệm vụ hằng năm.	Thương giai đoạn 2026 - 2030. 2. Bộ chỉ số/KPI theo dõi, đánh giá Chương trình; định nghĩa thống nhất KPI (OEE theo JIPM, giá trị làm lợi), ban hành trước tháng 4/2027. 3. Bộ biểu mẫu, quy trình và hướng dẫn thu thập dữ liệu, báo cáo định kỳ, thống nhất với chế độ báo cáo của Bộ. 4. Phân hệ giám sát Chương trình (cơ sở dữ liệu, dashboard) trên nền tảng dùng chung với các chương trình KHCN&ĐMST của Bộ Công Thương.			
16	Nghiên cứu xây dựng khung đánh giá sẵn sàng, quản trị rủi ro và thí điểm mô hình ứng dụng robot, tự động hóa tích hợp trí tuệ nhân tạo tại doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	Mục tiêu chung: Hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn, thử nghiệm và triển khai công nghệ phù hợp với bài toán sản xuất; ngăn ngừa rủi ro đầu tư khi chưa đủ điều kiện về dữ liệu, an toàn, năng lực vận hành và hiệu quả kinh tế. Mục tiêu cụ thể: 1. Đánh giá mức độ sẵn sàng (công nghệ, nhân lực,	1. Bộ công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng, khung quản trị rủi ro áp dụng ISO 10218, ISO/TS 15066, ISO 12100, IEC 62443; tài liệu hướng dẫn vận hành an toàn, bảo trì thiết bị và phương án nhân rộng mô hình. 2. Khảo sát và triển khai thí điểm: - 05 mô hình được khảo sát/triển khai và 02 PoC/mô hình thử nghiệm vận hành ≥03 tháng tại doanh nghiệp, có chỉ tiêu định lượng trước - sau; tiêu chí lựa chọn 05 doanh nghiệp, 02 PoC; thiết bị chính do doanh nghiệp đầu tư. - Hồ sơ triển khai thí điểm gồm: hồ sơ đánh	3.820	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí *(triệu đồng)*	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		hạ tầng số, an toàn) và xác định phương án ứng dụng (robot/cobot, tự động hóa tích hợp AI; nêu rõ công nghệ trọng tâm và vai trò AI trong từng mô hình). 2. Thực hiện mô phỏng hoặc thử nghiệm chứng minh tính khả thi (PoC) trước khi đề xuất nhân rộng. 3. Đánh giá hiệu quả kỹ thuật - kinh tế và các rủi ro (an toàn máy, an ninh OT, dữ liệu/AI). 4. Hướng dẫn vận hành, bảo trì và quản trị rủi ro trong quá trình triển khai.	giá mức độ sẵn sàng, phương án triển khai và bộ KPI theo dõi kết quả của từng mô hình. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kỹ thuật - kinh tế, an toàn máy, an ninh OT và rủi ro AI. - Doanh nghiệp đối ứng tối thiểu 30% trong tổng chi phí triển khai tại doanh nghiệp. 3. Tối thiểu 05 bài viết đăng tạp chí chuyên ngành hoặc trang thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ. 4. Tối thiểu 01 hội thảo khoa học chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả triển khai các mô hình. 5. Báo cáo khuyến nghị và kế hoạch nhân rộng mô hình.			
Tổng cộng (16 nhiệm vụ)				**41.585**		